

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THẠC SĨ TẠI MỘT SỐ CƠ SỞ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

• TS. TRẦN THỊ BÍCH TRÀ

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Phát huy nguồn lực con người là nhân tố có ảnh hưởng quan trọng, quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: "Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá". Theo đó, đào tạo (ĐT) nguồn nhân lực có trình độ thạc sĩ với chất lượng cao đóng một vai trò quan trọng. Đây là kết quả tổng hoà của nhiều yếu tố, trong đó thực hiện quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại cơ sở đào tạo có ý nghĩa đặc biệt.

1. Một số quan niệm

* Trong phạm vi cơ sở ĐT sau đại học (SĐH), ĐT thạc sĩ có thể hiểu là hoạt động của cơ sở ĐT nhằm "giúp học viên nắm vững lí thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được ĐT" (Khoản 4, điều 39, mục 4, Giáo dục đại học, Luật giáo dục 2005). Từ đó, ĐT thạc sĩ tại các cơ sở ĐT SĐH:

- Thể hiện hoạt động có tổ chức, hướng tới mục tiêu ĐT đã được xác định;

- Gắn chuyên ngành cụ thể nhằm giúp học viên đạt được một trình độ xác định trong chuyên môn liên quan hoạt động lao động nghề nghiệp;

- Luôn có sự quản lí chặt chẽ của các cấp quản lí, các đơn vị, cơ quan chức năng có liên quan;

- Liên quan chặt chẽ giữa toàn bộ các khâu của quá trình ĐT (từ khâu tuyển sinh tới đánh giá chất lượng đầu ra);

- Có tính linh hoạt cao để phù hợp với hoàn cảnh cụ thể (của cơ sở ĐT và của học viên...) song phải luôn tuân thủ, thực hiện đúng theo quy chế ĐT SĐH đã được Bộ GD & ĐT quy định;

- Phải kết hợp chặt chẽ các nguồn nhân, vật lực phù hợp cũng như các yếu tố thúc đẩy có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới hoạt động ĐT tại cơ sở (chế độ, chính sách đối với giảng viên; quy chế ĐT SĐH của Bộ GD&ĐT...).

* Theo quan niệm về ĐT thạc sĩ nêu trên, trong phạm vi cơ sở ĐT, quản lí ĐT thạc sĩ có thể hiểu là quá trình tác động của cơ sở tới hoạt động ĐT nhằm đạt mục tiêu ĐT đã được xác định. Như vậy, quản lí ĐT thạc sĩ:

- Gắn liền mục tiêu ĐT thạc sĩ liên quan tới chuyên ngành ĐT cụ thể;

- Là kết quả tổng hoà của nhiều yếu tố liên quan chất lượng ĐT;

- Thể hiện quá trình tác động qua bốn chức năng cơ bản của quản lí trong ĐT: Lập kế hoạch ĐT; tổ chức thực hiện kế hoạch ĐT; huy động mọi nguồn lực tác động nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực của các yếu tố liên quan hoạt động ĐT, thúc đẩy hoạt động ĐT của cơ sở theo kế hoạch, mục tiêu đã định; kiểm tra - đánh giá hoạt động ĐT để định hướng, điều chỉnh... hoạt động theo mục tiêu đã được đặt ra.

* Từ các chức năng cơ bản trên, quản lí tại cơ sở ĐT nhằm nâng cao chất lượng ĐT thạc sĩ có thể bao gồm các nội dung sau:

- *Lập kế hoạch ĐT*

Quá trình xây dựng kế hoạch là tiền đề định hướng quan trọng cho khả năng thực hiện kế hoạch, qua đó thể hiện năng lực quản lí của cơ sở ĐT. Do đó, tính khoa học, toàn diện cũng như mức độ khả thi của kế hoạch đưa ra cần phải được đặc biệt quan tâm.

- *Quản lí mục tiêu ĐT*

Mục tiêu ĐT là sản phẩm cần đạt được của quá trình ĐT, đồng thời cũng là đích hướng tới của quản lí ĐT. Do đó, để quản lí mục tiêu ĐT không thể không chú trọng tới quản lí nội dung - chương trình ĐT, quản lí hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động học của học viên cũng như quản lí các nội dung có liên quan tới hoạt động giảng dạy - những điều kiện cần thiết để đạt được mục tiêu ĐT.

- *Quản lí nội dung, chương trình ĐT*

Nội dung - chương trình ĐT thạc sĩ hướng đến việc thực hiện mục tiêu ĐT và phát triển toàn diện nhân cách học viên. Do đó, bên cạnh việc giúp học viên nắm vững hệ thống lí thuyết, có

trình độ cao về thực hành, phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo để có thể giải quyết những vấn đề đặt ra trong chuyên ngành ĐT... nội dung - chương trình ĐT còn phải hướng tới việc góp phần tích cực ĐT nên những con người vừa có đức - vừa có tài, đáp ứng tốt những đòi hỏi đối với nguồn nhân lực có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trong thời kì hội nhập quốc tế.

- Quản lí hoạt động dạy học

Đây là một nội dung đặc biệt quan trọng trong quản lí ĐT tại cơ sở. Hoạt động dạy- học mang tính chất hai chiều, là sự tác động qua lại một cách tích cực giữa người dạy và người học trong những điều kiện sư phạm xác định nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Do đó, quản lí hoạt động dạy học bao gồm quản lí hoạt động giảng dạy của giảng viên và quản lí hoạt động học tập của học viên.

- Kiểm tra - đánh giá quá trình ĐT tại cơ sở

Kiểm tra - đánh giá hoạt động ĐT nhằm định hướng, điều chỉnh hoạt động ĐT theo mục tiêu đã được đặt ra. Do đó, quá trình ĐT tại cơ sở luôn cần có sự phối hợp giám sát chặt chẽ của cán bộ phụ trách phòng/ trung tâm ĐT, lãnh đạo trường/ viện khi xây dựng cũng như triển khai kế hoạch; cần lựa chọn và phối hợp một cách khoa học nhiều hình thức đánh giá để kết quả do kiểm tra- đánh giá bảo đảm khách quan, chính xác, tạo cơ hội cho sự phát triển của học viên cũng như sự phát triển bền vững của cơ sở ĐT.

- Quản lí cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ quá trình ĐT

Cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ quá trình ĐT như phòng học, phòng thí nghiệm bộ môn, thư viện, các máy móc phương tiện hỗ trợ cho việc dạy - học... ảnh hưởng rất lớn tới việc nâng cao chất lượng dạy - học nói chung và quá trình

ĐT thạc sĩ nói riêng. Tuy nhiên, điều đó chỉ có thể thực hiện tốt trong điều kiện cơ sở ĐT xây dựng được cơ chế sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị một cách tối ưu, phát huy nhiều nhất hiệu quả của chúng để phục vụ cho quá trình ĐT.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận của cơ sở, giữa cơ sở với các cơ quan có liên quan trong quản lí quá trình ĐT

Huy động mọi nguồn lực tác động nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực của các yếu tố liên quan đến hoạt động ĐT, thúc đẩy hoạt động ĐT của cơ sở theo kế hoạch, mục tiêu đã định. Do đó, phối hợp giữa các bộ phận của cơ sở, giữa cơ sở với các cơ quan có liên quan trong quản lí quá trình ĐT đòi hỏi cần có cơ chế phối hợp thông qua những văn bản, qui định cũng như những chính sách khuyến khích thích hợp để phát huy tối ưu tiềm năng cá nhân, tạo điều kiện cho mọi cá nhân, đơn vị cùng nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu ĐT.

2. Thực trạng quản lí ĐT thạc sĩ tại một số cơ sở ĐT

Để tìm hiểu thực trạng quản lí ĐT thạc sĩ, một nghiên cứu đã được thực hiện với sự tham gia trả lời phiếu của 11 cán bộ lãnh đạo Trường/Viện/Học viện, 14 cán bộ của Phòng/ Trung tâm ĐT, 36 giảng viên và 154 học viên tại 3 cơ sở ĐT SDH tại Hà nội.

2.1. Nhận xét của các nhóm về thực trạng quản lí ĐT thạc sĩ ở một số cơ sở
(với mức độ nhận xét 1: chưa tốt; 2: bình thường; 3: tốt)

Bảng: Nhận xét của các nhóm về thực trạng quản lí ĐT thạc sĩ tại cơ sở ĐT

STT	Nội dung	Học viên		Giảng viên		CB Phòng/ TT		CBLĐ Trường/ Viện		Toàn bộ	
		\bar{x}	s	\bar{x}	s	\bar{x}	s	\bar{x}	s	\bar{x}	s
1	Xây dựng kế hoạch ĐT từng năm, toàn khoá	1.96	0.92	2.17	0.62	1.99	0.92	2.58	0.70	2.03	0.88
2	Tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm	1.92	0.95	2.20	0.57	2.11	0.84	2.61	0.44	2.01	0.88
3	Thực hiện công tác tuyển sinh	1.77	0.92	1.94	0.72	2.18	0.76	2.64	0.48	1.87	0.88
4	Thực hiện nội dung - chương trình ĐT	1.64	0.93	2.05	0.72	2.05	0.71	2.43	0.36	1.78	0.89

5	Quản lí hoạt động dạy của giảng viên	1.32	0.99	1.86	0.67	2.21	0.76	2.33	0.84	1.52	0.98
6	Quản lí hoạt động học của học viên	1.83	0.98	1.93	0.81	2.33	0.73	2.61	0.23	1.92	0.93
7	Kiểm tra - đánh giá quá trình ĐT	1.84	1.07	1.95	0.77	2.29	0.81	2.61	0.45	1.93	1.00
8	Quản lí cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ ĐT	1.41	0.97	1.83	0.62	2.21	0.72	2.61	0.44	1.59	0.94
9	Phối hợp các bộ phận cơ sở, cơ sở - các cơ quan có liên quan trong quản lí ĐT	1.54	1.04	2.11	0.78	2.43	0.79	2.56	0.36	1.74	1.02

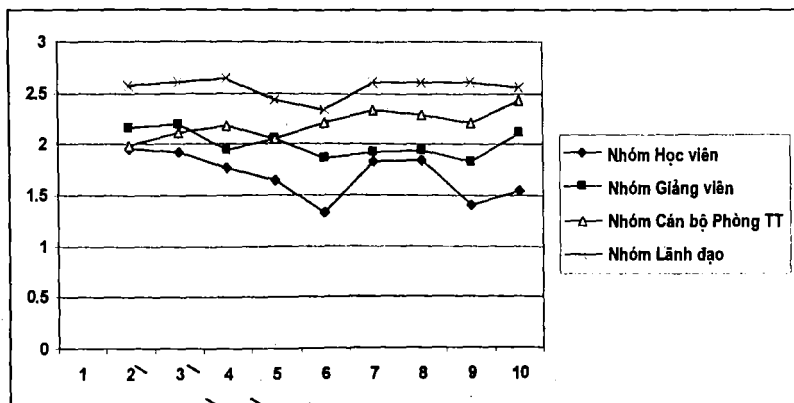
Kết quả bảng trên cho thấy:

- Trong khi nội dung “xây dựng kế hoạch ĐT từng năm, toàn khoá” và “tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm” được cả hai nhóm học viên và giảng viên nhận xét là được thực hiện tốt hơn so với các mặt nội dung khác của quản lí ĐT thạc sĩ thì nhóm cán bộ quản lí Phòng/ Trung tâm lại nhận thấy “quản lí hoạt động học của học viên” và “tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm” là tốt nhất và cán bộ lãnh đạo Trường/ Viện lại đặc biệt đánh giá cao tình hình “thực hiện công tác tuyển sinh”.

- Nhìn chung, các nhóm đều nhận xét “thực hiện nội dung chương trình ĐT” và “Quản lí cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ ĐT” đạt kết quả thực hiện ở mức hạn chế nhất trong các nội dung quản lí ĐT thạc sĩ tại cơ sở.

- Nhóm cán bộ lãnh đạo Trường/ Viện luôn đánh giá cao các kết quả đạt được trong quản lí ĐT, ngược lại, nhóm học viên luôn nhận xét kết quả này đạt được ở mức thấp nhất trong 4 nhóm. So sánh kết quả giữa 4 nhóm có thể được thể hiện rõ qua biểu đồ sau:

Biểu đồ: So sánh nhận xét giữa các nhóm về thực trạng quản lí ĐT thạc sĩ tại cơ sở ĐT



- Về cơ bản, các giá trị trung bình đạt được ở các nội dung đều có độ lệch chuẩn khá lớn thể hiện ý kiến tương đối khác nhau giữa các cá nhân khi nhận xét về thực trạng quản lí ĐT thạc sĩ ở cơ sở ĐT (thể hiện rõ nhất ở nhóm học viên: giá trị trung bình $1,32 < x < 1,96$ với độ lệch chuẩn $0,92 < s < 1,07$).

2.2. Những kết quả và hạn chế trong quản lí ĐT thạc sĩ

Tổng hợp kết quả nhận xét của các nhóm về thực trạng quản lí ĐT thạc sĩ tại cơ sở, có thể rút ra một số nhận xét chung như sau:

- Công tác xây dựng kế hoạch ĐT hướng tới mục tiêu ĐT đã được xác định, được xây dựng trên cơ sở bám sát những quy định của Bộ GD & ĐT về ĐT thạc sĩ kết hợp với những điều kiện cụ thể của cơ sở ĐT và được tổ chức thực hiện nghiêm túc, với ý thức trách nhiệm cao của các thành phần tham gia vào quản lí ĐT.

- Quá trình ĐT luôn bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu ĐT. Nội dung- chương trình ĐT bảo đảm thực hiện đúng quy định của Bộ GD-ĐT. Các cơ sở thực hiện theo khung chương trình đã được xây dựng và thường xuyên quan tâm việc biên soạn, đổi mới nội dung - chương trình ĐT.

- Nhìn chung, đội ngũ giảng viên tại các cơ sở có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao và cố gắng hướng tới việc dạy học lấy học viên làm trung tâm. Quá trình quản lí hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của học viên đã được thực hiện nghiêm túc. Các cơ sở

đã xây dựng và thực hiện quy định nhằm nâng cao chất lượng quản lý việc học tập của học viên theo quy định của Bộ GD & ĐT.

- Công tác giám sát hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của học viên luôn được quan tâm, đáp ứng những yêu cầu của quá trình ĐT.

- Sử dụng cơ sở vật chất hỗ trợ quá trình ĐT đã bước đầu góp phần vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và việc học tập của học viên.

- Phòng/ Trung tâm ĐT đã có sự phối hợp khá chặt chẽ với các bộ phận của cơ sở cũng như các đơn vị, các cấp có liên quan để tạo nên nguồn lực tổng hợp, ảnh hưởng tích cực đến hoạt động ĐT tại cơ sở.

** Những hạn chế*

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý ĐT thạc sĩ tại cơ sở còn tồn tại một số mặt hạn chế sau:

- Chưa huy động được “sức mạnh tổng hợp” của cơ sở trong việc xây dựng kế hoạch ĐT mang tính tổng thể của cơ sở.

- Do nhiều nguyên nhân nên việc dự báo quy mô, kế hoạch ĐT thạc sĩ hàng năm của đơn vị đối với nhiều chuyên ngành gặp khó khăn, điều đó có ảnh hưởng không nhỏ đến việc lập kế hoạch cũng như khả năng thực thi kế hoạch.

- Mặc dù các cơ sở thường xuyên quan tâm việc biên soạn, đổi mới nội dung - chương trình song nhìn chung nội dung - chương trình ĐT thạc sĩ tại các cơ sở còn lạc hậu, chưa đáp ứng được những đòi hỏi đặt ra trong giai đoạn hiện nay cũng như đáp ứng những đòi hỏi đối với nguồn nhân lực có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trong thời kì hội nhập quốc tế. Trong đó, theo ý kiến của các nhóm, yếu tố “Ngân sách Nhà nước về ĐT thạc sĩ còn hạn chế” là một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay có ảnh hưởng đến quá trình ĐT.

- Quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên nhìn chung còn nặng về biện pháp hành chính, chưa chú trọng đến việc động viên, khuyến khích hợp lý. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy còn chậm, chưa tạo được bước chuyển về chất trong hoạt động thực tế giảng dạy của đội ngũ giảng viên tại cơ sở.

- Nhiều biện pháp quản lý hoạt động học của học viên còn mang tính hành chính, chưa nâng cao tính tự chịu trách nhiệm cũng như sự chủ động, tích cực làm việc độc lập của học viên.

- Quản lý cơ sở vật chất hỗ trợ quá trình ĐT còn có phần chưa chú ý tới tần suất cũng như mức độ sử dụng hiệu quả của trang thiết bị đã được cung cấp để nâng cao chất lượng ĐT.

Giáo dục và ĐT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực có trình độ cao nói riêng, trong đó, tăng quy mô ĐT gắn liền với nâng cao chất lượng luôn là vấn đề được hết sức quan tâm trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế hiện nay ở nước ta.

Những kết quả nghiên cứu bước đầu về thực trạng quản lý ĐT thạc sĩ góp phần xây dựng cơ sở khoa học để đề xuất những biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng ĐT thạc sĩ tại cơ sở ĐT - những biện pháp hướng tới nâng cao chất lượng ĐT với quy mô 38.000 thạc sĩ vào năm 2010 như “Chiến lược phát triển giáo dục 2000 - 2010” đã xác định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD & ĐT: *Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT (ngày 8/6/2000) về việc ban hành “ Quy chế Đào tạo SDH”.*
2. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010* (Ban hành theo quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ), 2001.
3. Bộ GD & ĐT. *Báo cáo tổng kết công tác ĐT SDH năm 2005.* Hà Nội, 1/2006.
4. Nguyễn Minh Đường, *Vấn đề bồi dưỡng và ĐT lại đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới.* Đề tài cấp Bộ, mã số KX 07. 1998.
5. Đoàn Văn Khải, *Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.* NXB Lí luận chính trị. Hà nội, 2005.
6. Trần Thị Bích Trà, *Sổ liệu đề tài NCKH “Các biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng ĐT thạc sĩ khoa học giáo dục”,* mã số B 2005 - 80 - 29.

SUMMARY

The article presents the current management of the master's degree training program in some post-graduate institutions while dealing with some conceptions, outcomes and drawbacks in this work.